

**DANH SÁCH**

**ĐOÀN TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI ĐANG HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG ĐƯỢC HỖ TRỢ DO ẢNH HƯỞNG BỞI DỊCH COVID-19 ĐÃ CHỐNG TRÙNG, HỖ TRỢ MỨC CAO NHẤT THUỘC NHÓM ĐOÀN TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI TẠI HUYỆN THÔNG NHẤT**  
(Kèm theo Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

| STT              | Họ và tên           | Năm sinh |            | Số CMND/ thẻ căn cước công dân | Địa chỉ nơi cư trú | Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng              | Kinh phí hỗ trợ           |                                  | Ghi chú |
|------------------|---------------------|----------|------------|--------------------------------|--------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------|---------|
|                  |                     | Nam      | Nữ         |                                |                    |                                                         | Trợ cấp xã hội hàng tháng | Hỗ trợ bị ảnh hưởng bởi Covid-19 |         |
| 1. Xã Xuân Thiện |                     |          |            |                                |                    |                                                         |                           |                                  |         |
| 1                | Lê Giang Trà        |          | 15/08/2011 |                                | ấp Xuân Thiện      | Trẻ em từ 4 tuổi đến 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng  | 450.000                   | 1.500.000                        |         |
| 2                | Lê Thị Kiều Trâm    |          | 15/08/2003 |                                | ấp Xuân Thiện      | Trẻ em từ 4 tuổi đến 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng  | 450.000                   | 1.500.000                        |         |
| 3                | Thị Tiên            |          | 2005       |                                | ấp Xuân Thiện      | Trẻ em từ 4 tuổi đến 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng  | 450.000                   | 1.500.000                        |         |
| 4                | Thị Cả              |          | 2002       |                                | ấp Xuân Thiện      | Người từ 16 đến 22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng       | 450.000                   | 1.500.000                        |         |
| 5                | Trần Thị Thanh Thủy |          | 1990       |                                | ấp Xuân Thiện      | Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 2 con trở lên         | 600.000                   | 1.500.000                        |         |
| 6                | Đinh Thị Mộc        |          | 1930       |                                | ấp Xuân Thiện      | Người cao tuổi có đơn thuộc hộ nghèo từ 80 tuổi trở lên | 600.000                   | 1.500.000                        |         |
| 7                | Phạm Thị Tâm        |          | 1924       |                                | ấp Xuân Thiện      | Người cao tuổi có đơn thuộc hộ nghèo từ 80 tuổi trở lên | 600.000                   | 1.500.000                        |         |
| 8                | Bùi Thị Bích        |          | 1940       |                                | ấp Tín Nghĩa       | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên                    | 300.000                   | 1.500.000                        |         |
| 9                | Bùi Thị Huệ         |          | 1931       |                                | ấp Xuân Thiện      | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên                    | 300.000                   | 1.500.000                        |         |
| 10               | Bùi Thị Liên        |          | 1936       |                                | ấp Tín Nghĩa       | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên                    | 300.000                   | 1.500.000                        |         |
| 11               | Bùi Thị Lý          |          | 1934       |                                | ấp Tín Nghĩa       | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên                    | 300.000                   | 1.500.000                        |         |

|    |                 |      |      |           |               |                                      |         |           |
|----|-----------------|------|------|-----------|---------------|--------------------------------------|---------|-----------|
| 12 | Bùi Thị Năm     |      | 1938 |           | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |
| 13 | Bùi Thị Ngoan   |      | 1930 |           | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |
| 14 | Cao Thị Hoa     |      | 1935 |           | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |
| 15 | Cao Thị Thanh   |      | 1927 |           | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |
| 16 | Châu Kim Tiên   |      | 1939 |           | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |
| 17 | Châu Thị Rê     |      | 1935 |           | áp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |
| 18 | Đào Thị Huê     |      | 1938 |           | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |
| 19 | Đinh Thị Là     |      | 1939 |           | áp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |
| 20 | Đinh Thị Lê     |      | 1938 |           | áp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |
| 21 | Đinh Thị Ly     |      | 1934 |           | áp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |
| 22 | Đoàn Thị Hận    |      | 1940 |           | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |
| 23 | Đỗ Thị Ngọc     |      | 1937 |           | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |
| 24 | Dương Thị Diệp  |      | 1940 |           | áp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |
| 25 | Dương Thị Phát  |      | 1929 |           | áp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |
| 26 | Hà Thị Triều    |      | 1937 |           | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |
| 27 | Hồ Thị Tiềm     |      | 1931 |           | áp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |
| 28 | Huỳnh Thị Bé    |      | 1940 | 270566489 | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |
| 29 | Huỳnh Thanh Huệ | 1938 |      |           | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |
| 30 | Huỳnh Thị Xuân  |      | 1935 |           | áp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |
| 31 | Huỳnh Văn Ở     | 1935 |      |           | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |

|    |                 |
|----|-----------------|
| 32 | Khuong Cuong    |
| 33 | Kieu Van Lang   |
| 34 | Le Dinh Nhan    |
| 35 | Le Dinh Xuan    |
| 36 | Le Thi Huynh    |
| 37 | Le Thi Lan      |
| 38 | Le Thi Lo       |
| 39 | Le Thi Thom     |
| 40 | Le Thi Ut       |
| 41 | Le Thiet Dam    |
| 42 | Luu Thi Nhâm    |
| 43 | Mai Thi Ly      |
| 44 | Mai Thi Nu      |
| 45 | Mai Thi Yen     |
| 46 | Mai Van Lan     |
| 47 | Ngan A Bau      |
| 48 | Ngô Quang Trung |
| 49 | Ngô Thi Do      |
| 50 | Ngô Thi Son     |
| 51 | Ngô Văn Thêm    |

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1580/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 18 tháng 5 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội  
theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020  
của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Thống Nhất



### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Trên cơ sở Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Trên cơ sở Văn bản số 5406/UBND-KGVX ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Thống Nhất tại Tờ trình số 162/TTr-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 135/TTr-LĐTBXH ngày 15 tháng 5 năm 2020.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Thống Nhất sau khi rà soát gồm 4.717 đối tượng và tổng kinh phí hỗ trợ là 7.029.200.000 đồng (bảy tỷ, không trăm hai mươi chín triệu, hai trăm ngàn đồng chẵn); cụ thể như sau:

|    |                  |      |            |  |  |               |                                      |         |           |  |
|----|------------------|------|------------|--|--|---------------|--------------------------------------|---------|-----------|--|
| 52 | Nguyễn Đình Cung | 1939 |            |  |  | áp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 53 | Nguyễn Phiến     | 1936 |            |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 54 | Nguyễn Phú Cựu   | 1935 |            |  |  | áp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 55 | Nguyễn Tấn Thành | 1940 |            |  |  | áp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 56 | Nguyễn Thị Ai    |      | 1920       |  |  | áp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 57 | Nguyễn Thị Bàn   |      | 1935       |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 58 | Nguyễn Thị Bé    |      | 1937       |  |  | áp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 59 | Nguyễn Thị Bí    |      | 10/06/1930 |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 60 | Nguyễn Thị Châu  |      | 1937       |  |  | áp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 61 | Nguyễn Thị Chúng |      | 1931       |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 62 | Nguyễn Thị Dành  |      | 1935       |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 63 | Nguyễn Thị Hoa   |      | 1938       |  |  | áp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 64 | Nguyễn Thị Hồng  |      | 1932       |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 65 | Nguyễn Thị Liễu  |      | 1927       |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 66 | Nguyễn Thị Long  |      | 1936       |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 67 | Nguyễn Thị Luợt  |      | 1937       |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 68 | Nguyễn Thị Mẫn   |      | 1930       |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 69 | Nguyễn Thị Màu   |      | 1940       |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 70 | Nguyễn Thị Mến   |      | 1940       |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 71 | Nguyễn Thị Năm   |      | 1938       |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |

|    |                   |      |            |  |               |                                      |         |           |  |
|----|-------------------|------|------------|--|---------------|--------------------------------------|---------|-----------|--|
| 72 | Nguyễn Thị Nghĩa  |      | 1925       |  | ấp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 73 | Nguyễn Thị Nguyệt |      | 1938       |  | ấp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 74 | Nguyễn Thị Nhuận  |      | 1935       |  | ấp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 75 | Nguyễn Thị Sang   |      | 1933       |  | ấp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 76 | Nguyễn Thị Si     |      | 1932       |  | ấp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 77 | Nguyễn Thị Sự     |      | 1937       |  | ấp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 78 | Nguyễn Thị Thảo   |      | 1937       |  | ấp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 79 | Nguyễn Thị Tho    |      | 1934       |  | ấp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 80 | Nguyễn Thị Thứ    |      | 1936       |  | ấp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 81 | Nguyễn Thị Trục   |      | 1937       |  | ấp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 82 | Nguyễn Thị Tuyết  |      | 1922       |  | ấp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 83 | Nguyễn Thị Tuyết  |      | 1937       |  | ấp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 84 | Nguyễn Văn Cuộng  | 1929 |            |  | ấp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 85 | Nguyễn Văn Đáng   | 1939 |            |  | ấp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 86 | Nguyễn Văn Nâu    | 1927 |            |  | ấp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 87 | Nguyễn Văn Quang  | 1937 |            |  | ấp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 88 | Nguyễn Văn Thiện  | 1939 |            |  | ấp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 89 | Phạm Thị Côi      |      | 03/02/1938 |  | ấp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 90 | Phạm Thị Dương    |      | 08/04/1935 |  | ấp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 91 | Phạm Thị Lan      |      | 1934       |  | ấp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |

|     |                    |      |            |  |               |                                      |         |           |  |
|-----|--------------------|------|------------|--|---------------|--------------------------------------|---------|-----------|--|
| 92  | Phạm Thị Mộ        |      | 1920       |  | áp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 93  | Phạm Thị Rô        |      | 1938       |  | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 94  | Phạm Thị Thanh Thu |      | 1939       |  | áp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 95  | Phạm Thị Tuệ       |      | 1937       |  | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 96  | Phạm Văn Quý       | 1932 |            |  | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 97  | Phạm Văn Thi       | 1929 |            |  | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 98  | Phạm Văn Thường    | 1933 |            |  | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 99  | Phan Thị Châu      |      | 1932       |  | áp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 100 | Phan Thị Hoà       |      | 1932       |  | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 101 | Phan Thị Nụ        |      | 1934       |  | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 102 | Phan Thị Oai       |      | 12/06/1937 |  | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 103 | Phan Văn Thế       | 1940 |            |  | áp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 104 | Thái Thị Sư        |      | 1930       |  | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 105 | Thị Âm             |      | 1939       |  | áp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 106 | Thị Đảng           |      | 1936       |  | áp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 107 | Thị Dồi            |      | 1940       |  | áp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 108 | Thị Hiền           |      | 1939       |  | áp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 109 | Thị Hinh           |      | 1938       |  | áp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 110 | Thị Kiên           |      | 1938       |  | áp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 111 | Thị Minh           |      | 1937       |  | áp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |

|     |                    |            |            |           |               |                                      |         |           |                            |
|-----|--------------------|------------|------------|-----------|---------------|--------------------------------------|---------|-----------|----------------------------|
| 112 | Thieu Quang Ngừ    | 1936       |            |           | ấp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                            |
| 113 | Trần Lê Hoài Thanh | 03/04/1937 |            |           | ấp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                            |
| 114 | Trần Quang Ngọc    | 1929       |            |           | ấp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                            |
| 115 | Trần Thị Ba        |            | 1930       |           | ấp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                            |
| 116 | Trần Thị Biên      |            | 1940       |           | ấp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                            |
| 117 | Trần Thị Bương     |            | 1939       |           | ấp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                            |
| 118 | Trần Thị Cheo      |            | 10/01/1939 |           | ấp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                            |
| 119 | Trần Thị Em        |            | 1921       |           | Xuân Thiện    | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                            |
| 120 | Trần Thị Hoa       |            | 1940       |           | ấp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                            |
| 121 | Trần Thị Phương    |            | 1940       |           | ấp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                            |
| 122 | Trần Thị Suy       |            | 1932       |           | ấp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                            |
| 123 | Trần Văn Điều      | 1939       |            | 272527080 | ấp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 600.000   | đã hưởng 900 bên cty xổ số |
| 124 | Trần Văn Mai       | 1932       |            |           | ấp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                            |
| 125 | Trần Văn Phé       | 1931       |            |           | ấp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                            |
| 126 | Trương Công Thành  | 1936       |            |           | ấp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                            |
| 127 | Trương Thạch Bích  | 1940       |            |           | ấp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                            |
| 128 | Võ Thị Vân         |            | 1924       |           | Xuân Thiện    | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                            |
| 129 | Võ Văn Xê          | 1935       |            |           | ấp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                            |
| 130 | Võ Thị Gơ          |            | 1940       | 270619563 | ấp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                            |
| 131 | Vũ Đình Thủ        | 15/05/1938 |            |           | ấp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                            |

|     |                         |            |            |  |               |                                          |         |           |  |
|-----|-------------------------|------------|------------|--|---------------|------------------------------------------|---------|-----------|--|
| 132 | Vũ Thị Mỹ               |            | 20/01/1935 |  | ấp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên     | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 133 | Vũ Thị Vân              |            | 1933       |  | ấp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên     | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 134 | Vũ Thị Vóc              |            | 1937       |  | ấp Xuân Thiện | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên     | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 135 | Vũ Văn Hưng             | 1940       |            |  | ấp Tín Nghĩa  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên     | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 136 | Bùi Thanh Vân           |            | 05/04/2008 |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em | 750.000 | 1.500.000 |  |
| 137 | Điền Hoàng Anh          | 09/11/2011 |            |  | ấp Xuân Thiện | Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em | 750.000 | 1.500.000 |  |
| 138 | Điền Huy Tuấn Kiệt      | 05/03/2011 |            |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em | 750.000 | 1.500.000 |  |
| 139 | Điền Thị Kim Hương      |            | 18/06/2011 |  | ấp Xuân Thiện | Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em | 750.000 | 1.500.000 |  |
| 140 | Lê Hoàng Nhật Huy       | 04/08/2007 |            |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em | 750.000 | 1.500.000 |  |
| 141 | Lê Huân                 | 23/01/2008 |            |  | ấp Xuân Thiện | Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em | 750.000 | 1.500.000 |  |
| 142 | Lý Gia Nghĩa            | 23/08/2009 |            |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em | 750.000 | 1.500.000 |  |
| 143 | Nguyễn Diệu Phương Thảo |            | 06/10/2007 |  | ấp Xuân Thiện | Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em | 750.000 | 1.500.000 |  |
| 144 | Nguyễn Đức Trí          | 17/3/2003  |            |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em | 750.000 | 1.500.000 |  |
| 145 | Nguyễn Hoàng Kim Hân    |            | 16/10/2010 |  | ấp Xuân Thiện | Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em | 750.000 | 1.500.000 |  |
| 146 | Nguyễn Kim Thanh Tuấn   | 04/7/2005  |            |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em | 750.000 | 1.500.000 |  |
| 147 | Nguyễn Thị Anh Thư      |            | 2008       |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em | 750.000 | 1.500.000 |  |
| 148 | Nguyễn Văn Khánh        | 21/03/2009 |            |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em | 750.000 | 1.500.000 |  |
| 149 | Trần Kiều Nhã Phương    |            | 08/03/2012 |  | ấp Xuân Thiện | Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em | 750.000 | 1.500.000 |  |
| 150 | Hồ Lý Sáng              | 1979       |            |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật đặc biệt nặng           | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 151 | Huỳnh Song Văn Hải      | 1979       |            |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật đặc biệt nặng           | 600.000 | 1.500.000 |  |

|     |                      |            |            |  |               |                                                     |         |           |  |
|-----|----------------------|------------|------------|--|---------------|-----------------------------------------------------|---------|-----------|--|
| 152 | Huỳnh Thanh Sang     | 13/12/1987 |            |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 153 | Huỳnh Văn Hiền       | 10/05/1964 |            |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 154 | Lâm Thị Hương        |            | 23/11/1975 |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 155 | Lành Trương Sinh     | 1988       |            |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 156 | Lê Minh Dương        | 1976       |            |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 157 | Nguyễn Phú Duy       | 1965       |            |  | ấp Xuân Thiện | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 158 | Nguyễn Quốc Tiến     | 1985       |            |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 159 | Nguyễn Quốc Vương    | 1997       |            |  | ấp Xuân Thiện | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 160 | Nguyễn Thị Lan Hương |            | 02/08/1992 |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 161 | Nguyễn Thị Lan Vy    |            | 1997       |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 162 | Phạm Đức Trọng       | 1995       |            |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 163 | Phạm Thị Hồng Trang  |            | 20/02/2000 |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 164 | Thỏ Cường            | 1973       |            |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 165 | Trần Thị Bảy         |            | 1960       |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 166 | Trần Thị Kiều Thu    |            | 2000       |  | ấp Xuân Thiện | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 167 | Trần Thị Luyến       |            | 20/11/1992 |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 168 | Bùi Văn Hổ           | 27/12/1957 |            |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật đặc biệt nặng<br>là người cao tuổi | 750.000 | 1.500.000 |  |
| 169 | Cầm                  | 1955       |            |  | ấp Xuân Thiện | Người khuyết tật đặc biệt nặng<br>là người cao tuổi | 750.000 | 1.500.000 |  |
| 170 | Nguyễn Thị Xuân      |            | 01/07/1958 |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật đặc biệt nặng<br>là người cao tuổi | 750.000 | 1.500.000 |  |
| 171 | Nguyễn Văn Năng      | 1949       |            |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật đặc biệt nặng<br>là người cao tuổi | 750.000 | 1.500.000 |  |

|     |                        |            |            |  |  |               |                                                  |         |           |  |
|-----|------------------------|------------|------------|--|--|---------------|--------------------------------------------------|---------|-----------|--|
| 172 | Nguyễn Viết Thành      | 18/12/1956 |            |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi | 750.000 | 1.500.000 |  |
| 173 | Tạ văn Ký              | 1956       |            |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi | 750.000 | 1.500.000 |  |
| 174 | Võ Thành Lộc           | 1953       |            |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi | 750.000 | 1.500.000 |  |
| 175 | Võ Thị Tư              |            | 20/08/1957 |  |  | áp Xuân Thiện | Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi | 750.000 | 1.500.000 |  |
| 176 | Điền Nhật Nam          | 09/01/2010 |            |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng là trẻ em                  | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 177 | Điền Thị Hoàng Kim Hân |            | 05/11/2006 |  |  | áp Xuân Thiện | Người khuyết tật nặng là trẻ em                  | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 178 | Lâm Thanh Hoà          | 06/11/2014 |            |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng là trẻ em                  | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 179 | Lâm Thành Nhân         | 15/01/2006 |            |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng là trẻ em                  | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 180 | Lâm Thiệu Thiện        | 05/12/2015 |            |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng là trẻ em                  | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 181 | Nguyễn Đình Nhân       | 27/10/2012 |            |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng là trẻ em                  | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 182 | Phạm Lê Ngọc Hạnh      | 05/11/2013 |            |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng là trẻ em                  | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 183 | Thổ Thị Ngọc Trang     |            | 03/04/2009 |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng là trẻ em                  | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 184 | Tổng Linh Kỳ           |            | 2011       |  |  | áp Xuân Thiện | Người khuyết tật nặng là trẻ em                  | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 185 | Trần Hoàng Anh Thư     |            | 16/12/2010 |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng là trẻ em                  | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 186 | Trần Tiến Tài          | 18/08/2005 |            |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng là trẻ em                  | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 187 | Trương Đăng Bích Ngân  |            | 10/11/2005 |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng là trẻ em                  | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 188 | Đặng Ngọc Trinh        |            | 1961       |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng                            | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 189 | Điền Sỹ                | 1973       |            |  |  | áp Xuân Thiện | Người khuyết tật nặng                            | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 190 | Đinh Ngọc Trà My       |            | 02/10/2001 |  |  | Xuân Thiện    | Người khuyết tật nặng                            | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 191 | Đinh Tiên Hoàng        | 1969       |            |  |  | áp Xuân Thiện | Người khuyết tật nặng                            | 450.000 | 1.500.000 |  |

|     |                      |            |            |  |  |               |                       |         |           |  |
|-----|----------------------|------------|------------|--|--|---------------|-----------------------|---------|-----------|--|
| 192 | Đỗ Thành Tấn         | 1961       |            |  |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 193 | Đỗ Trung Trục        | 17/10/1979 |            |  |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 194 | Đoàn Văn Minh        | 1987       |            |  |  | ấp Xuân Thiện | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 195 | Dương Thị Hồng       |            | 1963       |  |  | ấp Xuân Thiện | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 196 | Dương Thị Thủy Tiên  |            | 1999       |  |  | ấp Xuân Thiện | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 197 | Giang Thị Kim Hiếu   |            | 1975       |  |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 198 | Hồ Sinh              | 05/02/1963 |            |  |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 199 | Huỳnh Tấn Anh        | 1967       |            |  |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 200 | Huỳnh Thị Thanh Thủy |            | 08/12/1973 |  |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 201 | Lại Thị Minh Nga     |            | 1961       |  |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 202 | Lâm Văn Hiếu         | 29/06/1980 |            |  |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 203 | Lành Xuân Hồng       |            | 1997       |  |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 204 | Lê Quốc Hiệu         | 1965       |            |  |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 205 | Lê Thị Mai           |            | 1959       |  |  | ấp Xuân Thiện | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 206 | Lê Trọng Dương       | 1961       |            |  |  | ấp Xuân Thiện | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 207 | Mai Thị Thủy Hằng    |            | 1977       |  |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 208 | Nguyễn Dur Tuấn      | 20/10/1968 |            |  |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 209 | Nguyễn Đức Duy       | 1972       |            |  |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 210 | Nguyễn Đức Hiền      | 1989       |            |  |  | ấp Xuân Thiện | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 211 | Nguyễn Hồng Sơn      | 26/09/1995 |            |  |  | ấp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |

|     |                        |            |            |  |  |               |                       |         |           |  |
|-----|------------------------|------------|------------|--|--|---------------|-----------------------|---------|-----------|--|
| 212 | Nguyễn Khắc Ngọ        | 1967       |            |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 213 | Nguyễn Quốc Cường      | 01/10/1989 |            |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 214 | Nguyễn Thái Hoà        | 1993       |            |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 215 | Nguyễn Thị Kim Thoa    |            | 02/09/1990 |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 216 | Nguyễn Thị Mai Trang   |            | 1990       |  |  | áp Xuân Thiện | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 217 | Nguyễn Thị Ngọc Lan    |            | 1960       |  |  | áp Xuân Thiện | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 218 | Nguyễn Thị Thu Sương   |            | 1976       |  |  | áp Xuân Thiện | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 219 | Nguyễn Thiện Tuấn      | 1991       |            |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 220 | Nguyễn Tiến Hải        | 02/03/1964 |            |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 221 | Nguyễn Trung Nghĩa     | 1975       |            |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 222 | Nguyễn Văn Liêm        | 1967       |            |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 223 | Nguyễn Văn Nam<br>Quốc | 1983       |            |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 224 | Nguyễn Viết Trường     | 1979       |            |  |  | áp Xuân Thiện | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 225 | Phạm Thị Kim Dung      |            | 1980       |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 226 | Phạm Thị Minh Châu     |            | 1976       |  |  | áp Xuân Thiện | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 227 | Phan Khắc Độ           | 1983       |            |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 228 | Phan Mạnh Sơn          | 1982       |            |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 229 | Phan Thị Kim Anh       |            | 08/11/1990 |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 230 | Tạ Thị Kim Hồng        |            | 12/10/1986 |  |  | áp Tín Nghĩa  | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 231 | Thị Lệ                 |            | 1980       |  |  | áp Xuân Thiện | Người khuyết tật nặng | 450.000 | 1.500.000 |  |

|     |                     |            |            |  |               |                                         |         |           |                   |
|-----|---------------------|------------|------------|--|---------------|-----------------------------------------|---------|-----------|-------------------|
| 232 | Thị Nhi             |            | 06/11/2000 |  | ấp Xuân Thiện | Người khuyết tật nặng                   | 450.000 | 1.500.000 |                   |
| 233 | Trần Tấn Danh       | 1963       |            |  | ấp Xuân Thiện | Người khuyết tật nặng                   | 450.000 | 1.500.000 |                   |
| 234 | Trần Thị Ngân       |            | 15/06/1988 |  | ấp Tin Nghĩa  | Người khuyết tật nặng                   | 450.000 | 1.500.000 |                   |
| 235 | Trần Thị Phước Lành |            | 18/08/1959 |  | ấp Xuân Thiện | Người khuyết tật nặng                   | 450.000 | 1.500.000 |                   |
| 236 | Trần Văn Bình       | 1988       |            |  | ấp Tin Nghĩa  | Người khuyết tật nặng                   | 450.000 | 1.500.000 |                   |
| 237 | Trần Văn Trọng      | 1974       |            |  | ấp Tin Nghĩa  | Người khuyết tật nặng                   | 450.000 | 1.500.000 |                   |
| 238 | Trương Thị Cấn      |            | 1966       |  | ấp Tin Nghĩa  | Người khuyết tật nặng                   | 450.000 | 1.500.000 |                   |
| 239 | Văn Thị Mai         |            | 1980       |  | ấp Tin Nghĩa  | Người khuyết tật nặng                   | 450.000 | 1.500.000 |                   |
| 240 | Võ Minh Hiệp        | 06/04/1990 |            |  | ấp Tin Nghĩa  | Người khuyết tật nặng                   | 450.000 | 1.500.000 |                   |
| 241 | Võ Văn Hiệp         | 19/12/1965 |            |  | ấp Tin Nghĩa  | Người khuyết tật nặng                   | 450.000 | 1.500.000 |                   |
| 242 | Vũ Thị Thanh Thủy   |            | 26/08/1988 |  | ấp Tin Nghĩa  | Người khuyết tật nặng                   | 450.000 | 1.500.000 |                   |
| 243 | Chu Thín Pầu        | 26/05/1958 |            |  | ấp Tin Nghĩa  | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 600.000 | 1.500.000 |                   |
| 244 | Điểu Mẹo            | 1952       |            |  | ấp Xuân Thiện | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 600.000 | 600.000   | Đã nhận 900 vé số |
| 245 | Đình Văn Được       | 30/08/1948 |            |  | ấp Xuân Thiện | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 600.000 | 1.500.000 |                   |
| 246 | Đình Văn Phước      | 1959       |            |  | ấp Tin Nghĩa  | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 600.000 | 1.500.000 |                   |
| 247 | Giang Văn Kỳ        | 1951       |            |  | ấp Xuân Thiện | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 600.000 | 1.500.000 |                   |
| 248 | Hồ Thị Hạnh         |            | 02/03/1954 |  | ấp Xuân Thiện | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 600.000 | 1.500.000 |                   |
| 249 | Nguyễn Đình Luật    | 1954       |            |  | ấp Tin Nghĩa  | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 600.000 | 1.500.000 |                   |
| 250 | Nguyễn Nghiêm       | 1943       |            |  | ấp Tin Nghĩa  | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 600.000 | 1.500.000 |                   |
| 251 | Nguyễn Thái Long    | 1953       |            |  | ấp Xuân Thiện | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 600.000 | 1.500.000 |                   |

|                        |                      |            |            |  |                     |                                                        |         |           |                    |
|------------------------|----------------------|------------|------------|--|---------------------|--------------------------------------------------------|---------|-----------|--------------------|
| 252                    | Nguyễn Thị Kính      |            | 1957       |  | áp Tín Nghĩa        | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi                | 600.000 | 1.500.000 |                    |
| 253                    | Nguyễn Văn Khăng     | 1959       |            |  | áp Tín Nghĩa        | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi                | 600.000 | 1.500.000 |                    |
| 254                    | Nguyễn Văn Thu       | 13/09/1935 |            |  | áp Tín Nghĩa        | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi                | 600.000 | 1.500.000 |                    |
| 255                    | Nguyễn Văn Việt      | 01/11/1956 |            |  | áp Xuân Thiện       | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi                | 600.000 | 1.500.000 |                    |
| 256                    | Phạm Thị Minh        |            | 16/04/1953 |  | áp Tín Nghĩa        | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi                | 600.000 | 1.500.000 |                    |
| 257                    | Phạm Thị Xê          |            | 1948       |  | áp Tín Nghĩa        | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi                | 600.000 | 1.500.000 |                    |
| 258                    | Tạ Thị Lai           |            | 1951       |  | áp Tín Nghĩa        | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi                | 600.000 | 1.500.000 |                    |
| 259                    | Thị Nguyệt           |            | 1938       |  | áp Xuân Thiện       | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi                | 600.000 | 1.500.000 |                    |
| <b>2. Xã Bàu Hàm 2</b> |                      |            |            |  |                     |                                                        |         |           | <b>386.700.000</b> |
| 1                      | Lê Hoàng Quân        | 07/09/12   |            |  | 581 tổ 13 Ngõ Quyền | Trẻ em từ 4 tuổi đến 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng | 450.000 | 1.500.000 |                    |
| 2                      | Nguyễn Văn Hoàng Quế | 18/03/12   |            |  | A3/080 Lê Lợi       | Trẻ em từ 4 tuổi đến 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng | 450.000 | 1.500.000 |                    |
| 3                      | Nguyễn Văn Hoàng Luâ | 25/08/01   |            |  | A3/080 Lê Lợi       | Người từ 16 đến 22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng      | 450.000 | 1.500.000 |                    |
| 4                      | Hứa Thị Uyên Trang   |            | 10/06/76   |  | áp Ngõ Quyền        | Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 2 con trở lên        | 600.000 | 1.500.000 |                    |
| 5                      | Nguyễn Thị Kim Lánh  |            | 01/01/69   |  | 146 tổ 4 ngõ quyền  | Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 2 con trở lên        | 600.000 | 1.500.000 |                    |
| 6                      | Nguyễn Thị Minh Thi  |            | 02/07/79   |  | Lê Lợi              | Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 2 con trở lên        | 600.000 | 1.500.000 |                    |
| 7                      | Phạm Thị Nhã Quyền   |            | 21/11/92   |  | 694/16 Ngõ Quyền    | Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 2 con trở lên        | 600.000 | 1.500.000 |                    |
| 8                      | Trần Ngọc Thu        |            | 10/10/78   |  | 805/19 ngõ quyền    | Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 2 con trở lên        | 600.000 | 1.500.000 |                    |
| 9                      | Hoàng Nguyệt Quang   |            | 27/03/59   |  | Tổ 14 Ngõ Quyền     | Người cao tuổi cô đơn từ 60 đến dưới 80 tuổi           | 450.000 | 1.500.000 |                    |
| 10                     | Nguyễn Thị Bốn       |            | 01/01/50   |  | Lê Lợi              | Người cao tuổi cô đơn từ 60 đến dưới 80 tuổi           | 450.000 | 1.500.000 |                    |

|    |                 |          |            |  |                 |                                              |         |           |  |
|----|-----------------|----------|------------|--|-----------------|----------------------------------------------|---------|-----------|--|
| 11 | Phùng Thị Liệu  |          | 01/01/45   |  | C1/001 Lê Lợi   | Người cao tuổi có đơn từ 60 đến dưới 80 tuổi | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 12 | Tổng Thị Thanh  |          | 01/01/41   |  | C1/18A Lê Lợi   | Người cao tuổi có đơn từ 60 đến dưới 80 tuổi | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 13 | Trần Thị Hạ     |          | 16/06/1954 |  | Tổ 19 NQ        | Người cao tuổi có đơn từ 60 đến dưới 80 tuổi | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 14 | Trần Thị Minh   |          | 01/01/59   |  | Tổ 12, Lê Lợi   | Người cao tuổi có đơn từ 60 đến dưới 80 tuổi | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 15 | Trịnh A Mộc     |          | 06/06/50   |  | tổ 12 Ngô quyền | Người cao tuổi có đơn từ 60 đến dưới 80 tuổi | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 16 | Vũ Thị Nhuận    |          | 10/11/52   |  | E1/005 Lê Lợi   | Người cao tuổi có đơn từ 60 đến dưới 80 tuổi | 450.000 | 1.500.000 |  |
| 17 | Nguyễn Thị Diệu |          | 01/01/31   |  | NQ              | Người cao tuổi có đơn từ 60 đến dưới 80 tuổi | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 18 | Bùi Thị Khóa    |          | 08/08/38   |  | C1/021 Lê Lợi   | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên         | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 19 | Bùi Thị Ngoan   |          | 01/01/37   |  | C2/050 Lê Lợi   | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên         | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 20 | Bùi Thị Thanh   |          | 01/01/33   |  | Ngô Quyền       | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên         | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 21 | Bùi Thị Thay    |          | 01/01/26   |  | Lê Lợi          | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên         | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 22 | Cao Thanh Vân   |          | 01/01/36   |  | Ngô Quyền       | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên         | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 23 | Cao Thị Mộc     |          | 05/06/36   |  | A4/124 LL       | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên         | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 24 | Cao thị Vân     |          | 28/07/37   |  | tổ 17 ngô quyền | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên         | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 25 | Chường Sỹ       | 01/01/35 |            |  | NTH             | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên         | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 26 | Đặng Thảo       | 18/08/39 |            |  | D3/97 Lê Lợi    | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên         | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 27 | Đặng Thị Bò     |          | 01/01/37   |  | 105/4 NTH       | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên         | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 28 | Đặng Thị Tươi   |          | 01/01/37   |  | Tổ 7 NTH        | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên         | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 29 | Đinh Thị Long   |          | 23/07/1930 |  | tổ 12 ngô quyền | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên         | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 30 | Đỗ Phàn         | 10/07/32 |            |  | tổ 16 ngô quyền | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên         | 300.000 | 1.500.000 |  |

|    |                 |            |          |  |                      |                                      |         |           |  |
|----|-----------------|------------|----------|--|----------------------|--------------------------------------|---------|-----------|--|
| 31 | Đỗ Thị Loan     |            | 01/01/35 |  | Ngô Quyền            | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 32 | Đỗ Thị Lộc      |            | 01/01/20 |  | Ngô Quyền            | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 33 | Đỗ Thị Nga      |            | 01/01/37 |  | tổ 5 nguyên thái học | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 34 | Đỗ Thị Trung    |            | 01/01/27 |  | A3/085 Lê Lợi 1      | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 35 | Đoàn Thị Tám    |            | 01/01/35 |  | ngô quyền            | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 36 | Đồng Văn Bình   | 01/01/31   |          |  | Lê Lợi 1             | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 37 | Dương Ngà       | 08/08/36   |          |  | tổ 9 nguyên thái học | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 38 | Dương Thị Chất  |            | 01/01/38 |  | 76 tổ 2 nq           | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 39 | Dương Thị Hựu   |            | 01/01/39 |  | Nguyễn Thái học      | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 40 | Dương Thị Quy   |            | 01/01/36 |  | C1/208 Lê Lợi 1      | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 41 | Hà Thị Diệu     |            | 01/01/28 |  | tổ 10 ngô quyền      | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 42 | Hà Thị Liên     |            | 01/01/21 |  | Bàu Hàm 2            | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 43 | Hồ Văn Tư       | 01/01/40   |          |  | Tổ 2 Ngô Quyền       | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 44 | Hoàng Đức Song  | 10/10/39   |          |  | Tổ 1 Ngô quyền       | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 45 | Hoàng Hữu Ngoãn | 19/09/1933 |          |  | tổ 5 nguyên thái học | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 46 | Hoàng Thị Nhim  |            | 01/01/33 |  | 36 tổ 1 ngô quyền    | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 47 | Hoàng Thị Toan  |            | 21/01/37 |  | B2/048 Lê Lợi 1      | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 48 | Hoàng Thị Từ    |            | 01/01/26 |  | Lê Lợi 2             | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 49 | Hoàng Văn Khê   | 01/01/35   |          |  | ngô quyền            | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |

|    |                |          |          |                         |                                      |                                      |           |           |  |
|----|----------------|----------|----------|-------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|-----------|-----------|--|
| 50 | Huỳnh Thị Tố   |          | 01/01/21 | 35 tổ 2 Nguyễn Thái Học |                                      | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000   | 1.500.000 |  |
| 51 | Huỳnh Văn Đức  | 20/02/40 |          | 398/9 Ngô Quyền         | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000                              | 1.500.000 |           |  |
| 52 | Kiểu Thị Mới   |          | 01/01/38 | tổ 19 ngô quyền         | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000                              | 1.500.000 |           |  |
| 53 | Kim Thị Phên   |          | 01/01/37 | 191 tổ 5 ngô quyền      | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000                              | 1.500.000 |           |  |
| 54 | Lã Thị Khả     |          | 01/01/34 | tổ 16 ngô quyền         | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000                              | 1.500.000 |           |  |
| 55 | Lê Đình Phi    | 01/01/40 |          | Tổ 36 Ngô Quyền         | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000                              | 1.500.000 |           |  |
| 56 | Lê Thị Bốn     |          | 01/01/30 | Ngô Quyền               | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000                              | 1.500.000 |           |  |
| 57 | Lê Thị Ca      |          | 01/01/40 | tổ 18 ngô quyền         | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000                              | 1.500.000 |           |  |
| 58 | Lê Thị Hoa     |          | 01/01/32 | Ngô Quyền               | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000                              | 1.500.000 |           |  |
| 59 | Lê Thị Lệ      |          | 15/04/37 | 107/3 ngô quyền         | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000                              | 1.500.000 |           |  |
| 60 | Lê Thị Lý      |          | 01/01/37 | 472/11 ngô quyền        | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000                              | 1.500.000 |           |  |
| 61 | Lê Thị Sáu     |          | 01/01/39 | 436/10 Ngô Quyền        | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000                              | 1.500.000 |           |  |
| 62 | Lộc Thọ On     |          | 01/01/25 | 956 tổ 13 ngô quyền     | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000                              | 1.500.000 |           |  |
| 63 | Lương Thị Sẻ   |          | 01/01/36 | A2/036 Lê Lợi 1         | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000                              | 1.500.000 |           |  |
| 64 | Lương Văn Được | 01/04/31 |          | 18/1 ngô quyền          | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000                              | 1.500.000 |           |  |
| 65 | Mông A Phán    | 01/01/37 |          | tổ 17 ngô quyền         | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000                              | 1.500.000 |           |  |
| 66 | Ngô Thị Bồng   |          | 01/01/37 | 383 tổ 8 ngô quyền      | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000                              | 1.500.000 |           |  |
| 67 | Ngô Thị Khoa   |          | 01/01/32 | 53/2 Nguyễn Thái Học    | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000                              | 1.500.000 |           |  |

|    |                  |          |          |  |                       |                                      |         |           |                   |
|----|------------------|----------|----------|--|-----------------------|--------------------------------------|---------|-----------|-------------------|
| 68 | Ngô Thị út       |          | 01/01/34 |  | 108 nguyên thái học   | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                   |
| 69 | Ngũ Thị Liêu     |          | 07/05/36 |  | 34/2 nguyên thái học  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                   |
| 70 | Nguyễn Đăng Huệ  | 01/01/35 |          |  | Lê Lợi 1              | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                   |
| 71 | Nguyễn Hớn       | 09/10/39 |          |  | tổ 17 ngô quyền       | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                   |
| 72 | Nguyễn Huệ       | 01/01/39 |          |  | Lê Lợi                | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                   |
| 73 | Nguyễn Hữu Dương | 01/01/34 |          |  | Lê Lợi 1              | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                   |
| 74 | Nguyễn Huỳnh     | 15/02/36 |          |  | 796 tổ 19 ngô quyền   | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 600.000   | Đã nhận 900 vé số |
| 75 | Nguyễn Tám       | 01/01/33 |          |  | 636 tổ 14 ngô quyền   | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                   |
| 76 | Nguyễn Thị Béu   |          | 01/01/34 |  | Lê Lợi 2              | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                   |
| 77 | Nguyễn Thị Bông  |          | 01/01/36 |  | Lê Lợi                | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                   |
| 78 | Nguyễn Thị Chi   |          | 01/01/31 |  | Ngô quyền             | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                   |
| 79 | Nguyễn Thị Chối  |          | 01/01/28 |  | 270/9 Nguyễn thái học | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                   |
| 80 | Nguyễn Thị Cống  |          | 01/01/37 |  | 730 tổ 17 ngô quyền   | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                   |
| 81 | Nguyễn Thị Đã    |          | 01/01/27 |  | B1/012 Lê Lợi 1       | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                   |
| 82 | Nguyễn Thị Điểm  |          | 01/01/23 |  | LL                    | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                   |
| 83 | Nguyễn Thị Điền  |          | 01/01/31 |  | ngô quyền             | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                   |
| 84 | Nguyễn Thị Điện  |          | 01/01/37 |  | B3/54 Lê Lợi 1        | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                   |
| 85 | Nguyễn Thị Diệu  |          | 01/01/36 |  | ngô quyền             | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |                   |

|     |                   |  |          |  |                      |                                      |         |           |  |
|-----|-------------------|--|----------|--|----------------------|--------------------------------------|---------|-----------|--|
| 86  | Nguyễn Thị Ga     |  | 01/01/32 |  | Lê Lợi               | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 87  | Nguyễn Thị Hiền   |  | 01/01/32 |  | Lê Lợi 2             | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 88  | Nguyễn Thị Hiệp   |  | 01/01/37 |  | B3/055A Lê Lợi 1     | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 89  | Nguyễn Thị Hồ     |  | 01/01/32 |  | 612/14 ngô quyền     | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 90  | Nguyễn Thị Hòa    |  | 01/01/37 |  | A2/039A lê Lợi 1     | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 91  | Nguyễn Thị Hón    |  | 01/01/35 |  | 614/14 ngô quyền     | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 92  | Nguyễn Thị Khen   |  | 12/09/37 |  | Lê Lợi               | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 93  | Nguyễn Thị Lâm    |  | 01/01/30 |  | A1/001 Lê Lợi 1      | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 94  | Nguyễn Thị Lan    |  | 01/01/38 |  | tổ 5 nguyên thái học | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 95  | Nguyễn Thị Lê     |  | 01/01/34 |  | ngô quyền            | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 96  | Nguyễn Thị Lịch   |  | 01/01/37 |  | 93 tổ 3 ngô quyền    | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 97  | Nguyễn Thị Lù     |  | 01/01/33 |  | 425/10 ngô quyền     | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 98  | Nguyễn Thị Miên   |  | 01/01/39 |  | E3/47 Lê Lợi         | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 99  | Nguyễn Thị Minh   |  | 12/05/37 |  | 437 tổ 10 Ngô Quyền  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 100 | Nguyễn Thị Mỹ     |  | 01/01/24 |  | lê lợi 1             | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 101 | Nguyễn Thị Nghiệp |  | 01/01/35 |  | 796 tổ 19 ngô quyền  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 102 | Nguyễn Thị Nhấn   |  | 01/01/22 |  | lê lợi 1             | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 103 | Nguyễn Thị Nhỏ    |  | 01/01/38 |  | tổ 8 ngô quyền       | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |

|     |                  |          |          |  |                          |                  |                                      |         |           |  |
|-----|------------------|----------|----------|--|--------------------------|------------------|--------------------------------------|---------|-----------|--|
| 104 | Nguyễn Thị Nhôi  |          | 01/01/34 |  |                          | tổ 16 ngô quyền  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 105 | Nguyễn Thị Phước |          | 01/01/37 |  | 171 tổ 6 nguyên thái học |                  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 106 | Nguyễn Thị Sầu   |          | 01/01/35 |  |                          | lê lợi 1         | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 107 | Nguyễn Thị Tâm   |          | 01/01/29 |  |                          | Ngô Quyền        | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 108 | Nguyễn Thị Thang |          | 01/01/38 |  |                          | tổ 18 ngô quyền  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 109 | Nguyễn Thị Tín   |          | 01/01/35 |  |                          | Lê Lợi 1         | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 110 | Nguyễn Thị To    |          | 01/01/38 |  | 139 tổ 5 Nguyễn Thái học |                  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 111 | Nguyễn Thị Vị    |          | 01/01/20 |  |                          | B1/09 lê lợi 1   | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 112 | Nguyễn Thị Xuân  |          | 02/01/30 |  |                          | 701/16 ngô quyền | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 113 | Nguyễn Trảo      | 25/02/39 |          |  |                          | 810/20 Ngô Quyền | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 114 | Nguyễn Trị       | 01/01/30 |          |  |                          | ngô quyền        | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 115 | Nguyễn Văn Giang | 01/01/29 |          |  | 212/8 Nguyễn Thái học    |                  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 116 | Nguyễn Văn Phước | 01/01/35 |          |  |                          | lê lợi 1         | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 117 | Nguyễn Văn Thiết | 02/05/35 |          |  |                          | Nguyễn Thái học  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 118 | Phạm thị Liên    |          | 10/05/33 |  |                          | ngô quyền        | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 119 | Phạm Thị Mến     |          | 01/01/22 |  |                          | lê lợi 2         | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 120 | Phạm Thị Ngánh   |          | 01/01/37 |  |                          | d1/27 lê lợi 2   | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 121 | Phạm Thị Nhật    |          | 01/01/36 |  |                          | B3/66 Lê Lợi 1   | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |

|     |                  |            |          |  |                          |                                      |         |           |              |
|-----|------------------|------------|----------|--|--------------------------|--------------------------------------|---------|-----------|--------------|
| 122 | Phạm Thị Sắc     |            | 01/01/39 |  | D2/072 Lê Lợi            | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |              |
| 123 | Phạm Thị Tâm     |            | 01/01/40 |  | 118 tổ 6 Nguyễn Thái Học | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |              |
| 124 | Phạm Thị Thản    |            | 01/01/27 |  | C2/051 Lê Lợi 1          | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |              |
| 125 | Phạm thị Thển    |            | 01/01/33 |  | tổ 8 ngô quyền           | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |              |
| 126 | Phan Suong       | 10/10/33   |          |  | 221 tổ 20 ngô quyền      | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |              |
| 127 | Phan thị Khen    |            | 05/09/37 |  | 821 tổ 20 ngô quyền      | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |              |
| 128 | Phùng Cẩm        | 01/01/32   |          |  | Lê Lợi 1                 | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |              |
| 129 | Tần Thị Điện     |            | 01/01/23 |  | ngô quyền                | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |              |
| 130 | Trần Đình Út     | 28/02/37   |          |  | 105/4 Nguyễn Thái Học    | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |              |
| 131 | TRẦN ĐỢI         | 01/02/36   |          |  | A1/011 Lê Lợi 1          | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |              |
| 132 | TRẦN Kim Thanh   | 01/01/29   |          |  | A2/033 Lê Lợi 1          | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |              |
| 133 | Trần Minh Hiện   | 01/01/32   |          |  | 443 tổ 10 ngô quyền      | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |              |
| 134 | Trần Minh Thư    | 10/10/39   |          |  | Tổ 3 Ngô Quyền           | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |              |
| 135 | Trần Phiên       | 01/01/1934 |          |  | ngô quyền                | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 500.000   | chết tháng 4 |
| 136 | Trần Thanh Phong | 10/10/33   |          |  | 637/14 ngô quyền         | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |              |
| 137 | TRẦN Thị Ba      |            | 01/01/33 |  | Lê Lợi 2                 | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |              |
| 138 | Trần Thị Bôi     |            | 10/02/37 |  | 381/8 ngô quyền          | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |              |
| 139 | TRẦN Thị Di      |            | 01/01/30 |  | Lê Lợi 2                 | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |              |

|     |                  |          |          |  |                    |                                      |         |           |  |
|-----|------------------|----------|----------|--|--------------------|--------------------------------------|---------|-----------|--|
| 140 | TRẦN Thị Luận    |          | 01/01/36 |  | C2/67 Lê Lợi       | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 141 | TRẦN Thị Trung   |          | 01/01/37 |  | lê lợi 2           | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 142 | TRẦN Thị Truyền  |          | 01/01/39 |  | B3/072A lê lợi 1   | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 143 | TRẦN Thị Tư      |          | 01/01/40 |  | Nguyễn Thái học    | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 144 | TRẦN Thị Tường   |          | 1/1/836  |  | C1/009 lê lợi 1    | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 145 | TRẦN Thị Tùy     |          | 10/03/30 |  | 15/1 ngô quyền     | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 146 | TRẦN Văn Lo      | 01/01/28 |          |  | B1/010 lê lợi 1    | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 147 | TRẦN Văn Thân    | 01/01/32 |          |  | lê lợi 2           | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 148 | Trương Ban       | 15/10/37 |          |  | lê lợi 1           | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 149 | trương thị Hợp   |          | 01/01/35 |  | tổ 13 ngô quyền    | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 150 | trương thị Hương |          | 01/01/30 |  | ngô quyền          | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 151 | Võ Ngọc xuân     | 17/12/33 |          |  | ngô quyền          | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 152 | Võ Thị Đảnh      |          | 01/01/30 |  | A2/09 lê lợi 1     | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 153 | Võ Thị Mười      |          | 10/05/37 |  | 329 tổ 7 Ngô Quyền | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 154 | Võ Văn Dăm       | 01/01/40 |          |  | Tờ 8 Ngô Quyền     | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 155 | Võ Xuân lâm      | 07/08/37 |          |  | 350 tổ 8 ngô quyền | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 156 | Vũ Thị Hồng      |          | 01/01/37 |  | D1/06 Lê Lợi 2     | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |
| 157 | Vũ Thị Nhấn      |          | 01/01/30 |  | lê lợi 2           | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên | 300.000 | 1.500.000 |  |

|     |                        |          |          |  |  |                      |                                          |         |           |                   |
|-----|------------------------|----------|----------|--|--|----------------------|------------------------------------------|---------|-----------|-------------------|
| 158 | Vũ Thị Sĩ              |          | 01/01/32 |  |  | lê lợi 2             | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên     | 300.000 | 1.500.000 |                   |
| 159 | Vũ Thị Thành           |          | 01/01/37 |  |  | D3/058 lê lợi 1      | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên     | 300.000 | 1.500.000 |                   |
| 160 | Vũ Thị Út              |          | 01/01/20 |  |  | 511 tổ 11 ngô quyền  | Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên     | 300.000 | 1.500.000 |                   |
| 161 | Đỗ Minh thủy           | 15/09/03 |          |  |  | Ngô Quyền            | Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em | 750.000 | 1.500.000 |                   |
| 162 | Nguyễn Trần Phúc Khari | 17/05/18 |          |  |  | C4/142 Lê Lợi        | Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em | 750.000 | 1.500.000 |                   |
| 163 | Phan Đức Mạnh          | 01/01/14 |          |  |  | tổ 15 ngô quyền      | Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em | 750.000 | 1.500.000 |                   |
| 164 | Nguyễn Triệu Hoàng     | 06/29/11 |          |  |  | tổ 15 ngô quyền      | Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em | 750.000 | 1.500.000 |                   |
| 165 | Trần Mậu Thuận         | 19/11/11 |          |  |  | Ngô Quyền            | Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em | 750.000 | 1.500.000 |                   |
| 166 | Võ Trọng Phúc          | 09/11/12 |          |  |  | Ngô Quyền            | Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em | 750.000 | 1.500.000 |                   |
| 167 | Âu Tiến Cường          | 22/08/83 |          |  |  | tổ 9 nguyên thái học | Người khuyết tật đặc biệt nặng           | 600.000 | 1.500.000 |                   |
| 168 | Âu Thị Vây             |          | 01/01/57 |  |  | 36 tổ 1 ngô quyền    | Người khuyết tật đặc biệt nặng           | 600.000 | 1.500.000 |                   |
| 169 | Đặng Quốc Sang         | 01/01/93 |          |  |  | D4/097B Lê Lợi 2     | Người khuyết tật đặc biệt nặng           | 600.000 | 1.500.000 |                   |
| 170 | Đào Thị Mai Thảo       |          | 13/10/92 |  |  | 771 tổ 18 ngô quyền  | Người khuyết tật đặc biệt nặng           | 600.000 | 1.500.000 |                   |
| 171 | Đỗ Văn tổng            | 01/01/68 |          |  |  | tổ 16 ngô quyền      | Người khuyết tật đặc biệt nặng           | 600.000 | 1.500.000 |                   |
| 172 | Hà Thị Kiều Trinh      |          | 04/11/93 |  |  | C4/132 Lê Lợi        | Người khuyết tật đặc biệt nặng           | 600.000 | 1.500.000 |                   |
| 173 | Hồ Minh Mẫn            | 04/04/01 |          |  |  | ngô quyền            | Người khuyết tật đặc biệt nặng           | 600.000 | 1.500.000 |                   |
| 174 | Hoàng Thị Hải          |          | 18/01/73 |  |  | Lê Lợi 1             | Người khuyết tật đặc biệt nặng           | 600.000 | 600.000   | Đã nhận 900 vé số |
| 175 | Hồng Thanh Quý         | 01/01/97 |          |  |  | Lê Lợi 4             | Người khuyết tật đặc biệt nặng           | 600.000 | 1.500.000 |                   |

|     |                      |          |            |  |                     |                                                     |         |           |              |
|-----|----------------------|----------|------------|--|---------------------|-----------------------------------------------------|---------|-----------|--------------|
| 176 | Huỳnh Thị Thảo Vy    |          | 22/10/89   |  | ngô quyền           | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 177 | Huỳnh Trung Kiên     | 16/06/86 |            |  | tổ 18 ngô quyền     | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 178 | La Chí Hùng          | 01/01/69 |            |  | ngô quyền           | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 179 | Lộc Hải Lâm          | 18/02/79 |            |  | 545 tổ 12 ngô quyền | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 180 | Nguyễn Ánh           | 03/12/63 |            |  | Lê Lợi 1            | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 181 | Nguyễn Đức Hoàn      | 25/12/91 |            |  | B1/22 Lê Lợi        | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 182 | Nguyễn Ngọc Duy      | 01/01/80 |            |  | B3/67 lê lợi 1      | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 183 | Nguyễn Thị Hồng Thủy |          | 12/08/66   |  | 382/8 ngô quyền     | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 184 | Nguyễn Thị Kim Anh   |          | 01/01/79   |  | Lê Lợi 1            | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 185 | Nguyễn Thị Kim Hoa   |          | 01/01/58   |  | 389/9 ngô quyền     | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 186 | Phạm Duy Hòa         | 01/01/71 |            |  | Lê Lợi 1            | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 187 | Phùng Thị Thắm       |          | 01/01/62   |  | Lê Lợi 1            | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 188 | Võ Thị Cẩm Nhung     |          | 01/01/92   |  | 170 tổ 5 ngô quyền  | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 189 | Vương Thị Thùy Trâm  |          | 01/01/93   |  | Lê Lợi 1            | Người khuyết tật đặc biệt nặng                      | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 190 | Đặng Thành Trung     | 28/07/50 |            |  | ngô quyền           | Người khuyết tật đặc biệt nặng<br>là người cao tuổi | 750.000 | 1.500.000 |              |
| 191 | Dương Thị vũ         |          | 01/01/35   |  | ngô quyền           | Người khuyết tật đặc biệt nặng<br>là người cao tuổi | 750.000 | 1.500.000 |              |
| 192 | Hà Thị Bình          |          | 01/01/1959 |  | ngô quyền           | Người khuyết tật đặc biệt nặng<br>là người cao tuổi | 750.000 | 500.000   | chết tháng 4 |
| 193 | Hoàng Đình Đức       | 08/08/54 |            |  | 161 Nguyễn thái học | Người khuyết tật đặc biệt nặng<br>là người cao tuổi | 750.000 | 1.500.000 |              |

|     |                        |            |          |  |  |                    |                                                  |         |           |                   |
|-----|------------------------|------------|----------|--|--|--------------------|--------------------------------------------------|---------|-----------|-------------------|
| 194 | Huỳnh Minh Tấn         | 10/12/54   |          |  |  | ngô quyền          | Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi | 750.000 | 1.500.000 |                   |
| 195 | Lê Hữu Vinh            | 01/01/52   |          |  |  | Lê Lợi             | Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi | 750.000 | 1.500.000 |                   |
| 196 | Nguyễn Văn Vang        | 02/01/1959 |          |  |  | Lê Lợi             | Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi | 750.000 | 600.000   | Đã nhận 900 vé số |
| 197 | Đỗ Hoàng Khả Ái        |            | 05/06/09 |  |  | A2/042A lê lợi 1   | Người khuyết tật nặng là trẻ em                  | 600.000 | 1.500.000 |                   |
| 198 | Hồ Quốc Lập            | 01/02/06   |          |  |  | nguyễn thái học    | Người khuyết tật nặng là trẻ em                  | 600.000 | 1.500.000 |                   |
| 199 | Lương Đăng Hoàng       | 14/03/03   |          |  |  | Ngô Quyền          | Người khuyết tật nặng là trẻ em                  | 600.000 | 1.500.000 |                   |
| 200 | Nguyễn Hoài Thanh Ngọc |            | 21/12/06 |  |  | 303 tổ 7 ngô quyền | Người khuyết tật nặng là trẻ em                  | 600.000 | 1.500.000 |                   |
| 201 | Nguyễn Trung Kiên      | 02/05/10   |          |  |  | lê lợi 1           | Người khuyết tật nặng là trẻ em                  | 600.000 | 1.500.000 |                   |
| 202 | Phạm vũ Ngọc Trâm      | 09/10/06   |          |  |  | 44/1 ngô quyền     | Người khuyết tật nặng là trẻ em                  | 600.000 | 1.500.000 |                   |
| 203 | Phan thị Thu Sương     |            | 17/07/03 |  |  | BÀU HÀM 2          | Người khuyết tật nặng là trẻ em                  | 600.000 | 1.500.000 |                   |
| 204 | Bùi Hoàng Ngọc Linh    |            | 01/01/73 |  |  | lê lợi 1           | Người khuyết tật nặng                            | 600.000 | 1.500.000 |                   |
| 205 | Cao Hùng Phi           | 01/01/78   |          |  |  | lê lợi 1           | Người khuyết tật nặng                            | 600.000 | 1.500.000 |                   |
| 206 | Cao Thụy Uyên          | 16/02/87   |          |  |  | B2/052 Lê Lợi 1    | Người khuyết tật nặng                            | 600.000 | 1.500.000 |                   |
| 207 | Chu Thị Dung           |            | 18/11/68 |  |  | 192 tổ 5 ngô quyền | Người khuyết tật nặng                            | 600.000 | 1.500.000 |                   |
| 208 | Đàm Thanh Tuấn         | 29/06/84   |          |  |  | 548/12 ngô quyền   | Người khuyết tật nặng                            | 600.000 | 1.500.000 |                   |
| 209 | Đặng Phục An           | 01/01/71   |          |  |  | lê lợi 1           | Người khuyết tật nặng                            | 600.000 | 1.500.000 |                   |
| 210 | Đào Văn duyên          | 20/03/61   |          |  |  | Ngô Quyền          | Người khuyết tật nặng                            | 600.000 | 1.500.000 |                   |
| 211 | Đinh TRọng Linh        | 10/04/83   |          |  |  | lê lợi 1           | Người khuyết tật nặng                            | 600.000 | 1.500.000 |                   |

|     |                       |          |          |  |  |                     |                       |         |           |  |
|-----|-----------------------|----------|----------|--|--|---------------------|-----------------------|---------|-----------|--|
| 212 | Đỗ Ngọc An            | 01/01/68 |          |  |  | D1/027 lẻ lợi 2     | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 213 | Đoàn Hữu Nghĩa        | 01/01/78 |          |  |  | lẻ lợi 1            | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 214 | Đoàn Thanh            | 01/01/73 |          |  |  | tổ 16 ngô quyền     | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 215 | Đoàn Thị Liên         |          | 01/01/70 |  |  | tổ 16 ngô quyền     | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 216 | Dương Đức Phú         | 10/10/63 |          |  |  | Nguyễn Thái Học     | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 217 | Dương thị Kim hương   |          | 01/01/75 |  |  | Bàu hàm 2           | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 218 | Dương thị Năm         |          | 01/01/62 |  |  | Ngô Quyền           | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 219 | Dương T. Thu Thảo     |          | 09/11/83 |  |  | nguyễn thái học     | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 220 | Hồ Thị Hồng           |          | 07/01/71 |  |  | 56(93) ngô quyền    | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 221 | Hoàng Xuân Thủy       | 09/12/71 |          |  |  | Ngô Quyền           | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 222 | Huỳnh Thị Thanh hương |          | 10/01/66 |  |  | Ngô Quyền           | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 223 | Lâm Bảo Quý Ngân Hà   |          | 11/09/94 |  |  | 589 tổ 13 ngô quyền | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 224 | Lê Thị Mới            |          | 01/01/57 |  |  | 108 nguyễn thái học | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 225 | Lê Thị Ngọc Huyền     |          | 01/01/95 |  |  | Ngô Quyền           | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 226 | Lê Thị Tuyết Dân      |          | 01/01/67 |  |  | nguyễn thái học     | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 227 | Lưu Ngọc Thanh        | 01/01/62 |          |  |  | d2/037 lẻ lợi 2     | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 228 | Lưu Văn Thành         | 01/01/63 |          |  |  | Ngô Quyền           | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 229 | Nguyễn Hoàng Vũ       | 01/01/90 |          |  |  | lẻ lợi              | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |

|     |                        |          |          |      |                           |                       |         |           |                |
|-----|------------------------|----------|----------|------|---------------------------|-----------------------|---------|-----------|----------------|
| 230 | Nguyễn Hữu Quốc        | 10/10/70 |          | 70/3 | nguyên thái học /KM02 QL2 | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |                |
| 231 | Nguyễn Huỳnh Thập Toàn | 01/01/91 |          |      | 82 tổ 3 ngô quyền         | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |                |
| 232 | Nguyễn Ngọc Thuận      | 02/02/91 |          |      | 143 tổ 4 ngô quyền        | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |                |
| 233 | Nguyễn Như Hùng        | 01/01/64 |          |      | tổ 8 LL1                  | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |                |
| 234 | Nguyễn Như Hùng        | 01/01/72 |          |      | B2/048 LL1                | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |                |
| 235 | nguyễn phước Xuân      | 01/01/87 |          |      | 541 tổ 12 ngô quyền       | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |                |
| 236 | Nguyễn Thị Đông        |          | 01/01/65 |      | 796 tổ 19 ngô quyền       | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 600.000   | Nhận 900 vé số |
| 237 | Nguyễn Thị Hoa         |          | 01/01/59 |      | b3/066 LL1                | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |                |
| 238 | Nguyễn Thị Kim Cúc     |          | 15/10/85 |      | Ngô Quyền                 | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |                |
| 239 | Nguyễn Thị Mộng        |          | 01/01/68 |      | nguyễn thái học           | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |                |
| 240 | Nguyễn Thị Mỹ Phương   |          | 01/01/95 |      | LL1                       | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |                |
| 241 | Nguyễn Thị Kim Loan    |          | 1989     |      | LL                        | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |                |
| 242 | Nguyễn Thị Ngọc Tuyết  |          | 01/04/83 |      | ngô quyền                 | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |                |
| 243 | Nguyễn Thị Nùng        |          | 20/07/76 |      | 330/7 Ngô quyền           | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |                |
| 244 | Nguyễn Thị Thung       |          | 01/01/71 |      |                           | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |                |
| 245 | Nguyễn Trung           | 01/01/73 |          |      | nguyễn thái học           | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |                |
| 246 | Nguyễn Trường Sơn      | 01/01/77 |          |      | LL1                       | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |                |
| 247 | nguyễn Văn Ái          | 01/01/63 |          |      | d1/025 lê lợi 2           | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |                |

|     |                     |          |          |  |  |                     |                       |         |           |  |
|-----|---------------------|----------|----------|--|--|---------------------|-----------------------|---------|-----------|--|
| 248 | Nguyễn Văn Đạt      | 08/10/95 |          |  |  | 184/4 bầu ao        | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 249 | Nguyễn Văn Dũng     | 12/10/76 |          |  |  | 796 tổ 19 ngô quyền | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 250 | Nguyễn Văn Hùng     | 10/10/73 |          |  |  | 796 tổ 19 ngô quyền | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 251 | Nguyễn Văn Kính     | 01/01/76 |          |  |  | c2/063 LL           | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 252 | Phạm Thị Ánh        |          | 26/06/78 |  |  | d1/06 LL2           | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 253 | Phạm Thị diễm Hương |          | 13/10/89 |  |  | ngô quyền           | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 254 | Phạm Thị Mộng Thu   |          | 02/11/81 |  |  | nguyễn thái học     | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 255 | Phạm Thị Thanh      |          | 01/01/68 |  |  | nguyễn thái học     | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 256 | Phạm Thị Thanh Hoa  |          | 13/08/71 |  |  | 94 tổ 3 ngô quyền   | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 257 | Phùng Tiến Sơn      | 19/06/89 |          |  |  | tổ 6 ngô quyền      | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 258 | Phùng Văn Độ        | 01/01/65 |          |  |  | tổ 19 ngô quyền     | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 259 | Tiêu Ngọc Quỳnh Nga |          | 01/01/89 |  |  | A2/042A lê lợi 1    | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 260 | Tiêu Thành Tĩnh     | 01/01/68 |          |  |  | LL1                 | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 261 | Trần Đức Thạch      | 10/11/89 |          |  |  | 481/11 ngô quyền    | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 262 | Trần Quốc Tuấn      | 23/11/62 |          |  |  | B2/033A Lê Lợi      | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 263 | TRẦN văn Huy        | 01/01/73 |          |  |  | LL1                 | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 264 | Trần Văn Phú        | 12/12/33 |          |  |  | tổ 17 ngô quyền     | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |
| 265 | TRỊNH Quang Thuận   | 01/01/74 |          |  |  | B1/19 LL            | Người khuyết tật nặng | 600.000 | 1.500.000 |  |

|     |                   |          |          |  |                      |                                         |         |           |              |
|-----|-------------------|----------|----------|--|----------------------|-----------------------------------------|---------|-----------|--------------|
| 266 | Võ T. Thu Thảo    |          | 01/01/91 |  | nguyên thái học      | Người khuyết tật nặng                   | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 267 | Vũ Đình Phú       | 18/06/61 |          |  | Ngô Quyền            | Người khuyết tật nặng                   | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 268 | Vũ Thị Ngọc mai   |          | 04/02/88 |  | 619 tổ 14 Ngô Quyền  | Người khuyết tật nặng                   | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 269 | Vũ Thị Vân        |          | 01/01/65 |  | lê lợi               | Người khuyết tật nặng                   | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 270 | Đoàn Văn Nghiêm   | 15/01/58 |          |  | Ngô Quyền            | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 271 | Hà Ngọc Nhuận     | 01/01/41 |          |  | Ngô Quyền            | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 272 | Hồ Thị Quyến      |          | 07/02/37 |  | Ngô Quyền            | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 273 | Hoàng Thị Thép    |          | 01/01/52 |  | 692 tổ 16 ngô quyền  | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 274 | Lê Huy Trí        | 01/01/57 |          |  | Ngô Quyền            | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 275 | Ngô Minh Tân      | 03/02/42 |          |  | Ngô Quyền            | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 276 | Nguyễn Công Quyết | 01/01/40 |          |  | LL1                  | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 277 | Nguyễn Hòa        | 01/01/50 |          |  | lê lợi               | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 600.000 | 500.000   | chết tháng 4 |
| 278 | Nguyễn Hoàng Anh  | 01/01/57 |          |  | Ngô Quyền            | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 279 | Nguyễn Hữu Cư     | 10/10/45 |          |  | đ1/033 LL            | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 280 | Nguyễn Minh       | 12/04/46 |          |  | B2/044 Lê Lợi        | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 281 | Nguyễn Thị Bưởi   |          | 15/03/48 |  | Ngô Quyền            | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 282 | Nguyễn Thị Cúc    |          | 20/02/57 |  | b2/28 LL1            | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 600.000 | 1.500.000 |              |
| 283 | Nguyễn Thị Dung   |          | 01/01/59 |  | tổ 1 Nguyễn Thái Học | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 600.000 | 1.500.000 |              |

|                          |                  |          |            |  |                      |                                                 |         |                    |  |
|--------------------------|------------------|----------|------------|--|----------------------|-------------------------------------------------|---------|--------------------|--|
| 284                      | Nguyễn Thị Năm   |          | 30/06/51   |  | 606 ngô quyền        | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi         | 600.000 | 1.500.000          |  |
| 285                      | Nguyễn Trường    | 01/01/40 |            |  | tổ 6 nguyên thái học | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi         | 600.000 | 1.500.000          |  |
| 286                      | Nguyễn Văn Chi   | 01/01/50 |            |  | Lê Lợi               | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi         | 600.000 | 1.500.000          |  |
| 287                      | Nguyễn Văn Đức   | 01/01/53 |            |  | a3/067 LL1           | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi         | 600.000 | 1.500.000          |  |
| 288                      | Nguyễn Văn Phong | 01/01/53 |            |  | c2/058 LL1           | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi         | 600.000 | 1.500.000          |  |
| 289                      | Nguyễn Văn Trọng | 01/01/43 |            |  | c3/090 K2 LL1        | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi         | 600.000 | 1.500.000          |  |
| 290                      | Nguyễn Văn Vỹ    | 01/01/56 |            |  | E3/50 LL2            | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi         | 600.000 | 1.500.000          |  |
| 291                      | Phạm Văn Quýnh   | 01/01/50 |            |  | D1/007 LL            | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi         | 600.000 | 1.500.000          |  |
| 292                      | Phan Kim Trung   | 18/06/58 |            |  | tổ 15 ngô quyền      | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi         | 600.000 | 1.500.000          |  |
| 293                      | Phan Thị Hoa     |          | 08/09/51   |  | Ngô Quyền            | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi         | 600.000 | 1.500.000          |  |
| 294                      | Phùng Thị Luyến  |          | 01/01/43   |  | c1/004 LL1           | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi         | 600.000 | 1.500.000          |  |
| 295                      | TRẦN Thị Yên     |          | 01/01/58   |  | tổ 18 ngô quyền      | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi         | 600.000 | 1.500.000          |  |
| 296                      | Trần Văn Tài     | 27/04/54 |            |  | 61 ngô quyền         | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi         | 600.000 | 1.500.000          |  |
| 297                      | Võ Ngọc Hoàng    | 01/07/47 |            |  | 808 ngô quyền        | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi         | 600.000 | 1.500.000          |  |
| <b>Cộng: 297 người</b>   |                  |          |            |  |                      |                                                 |         | <b>438.900.000</b> |  |
| <b>3. Xã Quang Trung</b> |                  |          |            |  |                      |                                                 |         |                    |  |
| 1                        | Lê Thị Thục      |          | 12/07/1968 |  | Bắc Sơn              | Người đơn thân nghèo đang nuôi 1 con            | 300.000 | 1.500.000          |  |
| 2                        | Nguyễn Thị Hạnh  |          | 01/01/1977 |  | Bắc Sơn              | Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 2 con trở lên | 600.000 | 1.500.000          |  |